

## BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng, do WB tài trợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Thực hiện Công văn số 9378/BNN-TCTL ngày 16/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo kết quả thực hiện chỉ số giải ngân Chương trình nước sạch và VSNT dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng, do WB tài trợ (Chương trình PforR), UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết thực hiện trên địa bàn tỉnh năm 2015, như sau:

### I. KHÁI QUÁT CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên Chương trình: Chương trình MTQG nước sạch và VSMTNT dựa trên kết quả đầu ra do Ngân hàng Thế giới tài trợ (gọi tắt là Chương trình PforR) được thực hiện tại 8 tỉnh, gồm: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà nam, Quảng Ninh, Hà Nội và Thanh Hóa.

#### 2. Mục tiêu cụ thể của Chương trình

- Cung cấp nước sạch bền vững cho 340.000 gia đình nông thôn tại 8 tỉnh;
- Cải thiện điều kiện sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh cho 130.000 hộ nông thôn;
- Cung cấp nước và điều kiện vệ sinh ở các trường học, trạm y tế xã và các công trình công cộng;
- Nâng cao năng lực phân tích thông tin về ngành nước và vệ sinh, xác định ưu tiên và công tác quản lý lâu dài cũng như các nhu cầu về đầu tư và chuẩn bị các kế hoạch hoạt động cấp nước và vệ sinh nông thôn của các tỉnh;
- Nâng cao năng lực đánh giá việc thực hiện các chương trình, hiệu quả đầu tư và quản lý chương trình.

#### 3. Các hợp phần của Chương trình

- Hợp phần 1 - Cải thiện điều kiện cấp nước: Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước tập trung quy mô xã và liên xã cấp nước cho 240 xã tại 8 tỉnh (Thanh Hóa có 30 xã), chất lượng nước đạt QCVN 02/BYT.

- Hợp phần 2 - Cải thiện điều kiện vệ sinh: Xây dựng các nhà tiêu đạt chuẩn quốc gia tại trường học, trạm xá. Đối với vệ sinh hộ gia đình: Chương trình hỗ trợ xây dựng mẫu nhà vệ sinh cho các đối tượng ưu tiên theo quy định của Chương trình MTQG; các hộ gia đình sẽ được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi qua Ngân hàng CSXH để cải tạo và xây mới nhà vệ sinh hộ gia đình.

- Hợp phần 3 - Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá và quản lý Chương trình.

#### 4. Tổng vốn của Chương trình cho 8 tỉnh:

- Tổng số: 230.500.000 USD,  
 Trong đó: - Vốn vay WB: 200.000.000 USD  
 - Vốn đối ứng từ ngân sách: 10.500.000 USD  
 - Vốn đóng góp từ công đồng: 20.000.000 USD.

### 5. Chương trình của tỉnh Thanh Hóa

#### a) Danh sách xã tham gia Chương trình:

Danh sách 30 xã tham gia Chương trình được UBND các huyện đề xuất và Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa có Văn bản số 2725/UBND-NN ngày 03/6/2010 đăng ký với Bộ Nông nghiệp và PTNT bao gồm:

- Huyện Nga Sơn 8 xã: Nga An, Nga Liên, Nga Tiến, Nga Tân, Nga Thủy, Nga Bạch, Nga Thạch, Nga Nhân.

- Huyện Hậu Lộc 7 xã: Hoa Lộc, Minh Lộc, Hưng Lộc, Đa Lộc, Hải Lộc, Phú lộc, Hòa Lộc.

- Huyện Hoằng Hóa 7 xã: Hoằng Hà, Hoằng Yến, Hoằng Trường, Hoằng Hải, Hoằng Tiến, Hoằng Thanh, Hoằng Phụ.

- Huyện Quảng Xương 5 xã: Quảng Lợi, Quảng Thạch, Quảng Nham, Quảng Chính, Quảng Trung.

- Huyện Tĩnh Gia 3 xã: Hải Châu, Hải Ninh, Thanh Thủy.

#### b) Chỉ số giải ngân của tỉnh Thanh Hóa:

Chỉ số giải ngân (DLI)	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tổng số
DLI 1.1 Số đầu nổi nước mới hoạt động	0	10.780	12.120	13.470	9.430	45.800
DLI 1.2 Số nhà tiêu hộ gia đình HVS mới	2.020	2.020	4.040	5.390	4.050	17.520
DLI 2.1 Số người tiếp cận công trình nước bền vững				57.250	57.250	114.500
DLI 2.2 Số người tiếp cận vệ sinh toàn xã (CWS)	33.380	33.670	33.680	33.680	37.040	171.450
DLI 3.1 Kế hoạch năm của tỉnh được phê duyệt năm 2013	(Có/Không) Có	Có	Có	Có	Có	
DLI 3.2 Báo cáo thường niên của chương trình được công bố	(Có/Không/ Không áp dụng) Có	Có	Có	Có	Có	

#### c) Nguồn vốn của Thanh Hóa được phân bổ:

##### • Phân bổ theo nguồn vốn:

Tổng nguồn vốn từ Chương trình:

626.923 triệu đồng

+ Vốn WB:	550.613 triệu đồng
+ Vốn đối ứng của tỉnh:	19.458 triệu đồng
+ Cộng đồng đóng góp:	56.852 triệu đồng (xây dựng công trình cấp nước và XD công trình vệ sinh).

• **Phân bổ theo hợp phần:**

+ Hợp phần 1: Cải thiện điều kiện cấp nước:	539.180 triệu đồng
+ Hợp phần 2: Cải thiện điều kiện vệ sinh:	50.462 triệu đồng
+ Hợp phần 3: Nâng cao năng lực, giám sát đánh giá:	20.210 triệu đồng

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2015.**

**1. Mục tiêu và kết quả thực hiện Chỉ số giải ngân (CSGN) 1.1 - Số đầu nổi nước mới (Do Trung tâm nước sạch hoạt và VSMT nông thôn thực hiện).**

- Mục tiêu: 12.120 đầu nổi nước mới.

- Kết quả thực hiện: 11.898 số hộ đầu nổi (bằng 98,2% mục tiêu CSGN năm 2015). Trong đó:

+ Công trình cấp nước tập trung là công trình cấp nước sạch 9 xã huyện Nga Sơn (gồm các xã: Nga Yên, Nga Liên, Nga Tiến, Nga Tân, Nga Thanh, Nga Mỹ, Nga Hưng, Nga Văn và Thị trấn Nga Sơn) là: 9.458 đầu nổi mới

+ Công trình cấp nước sạch 7 xã huyện Hậu Lộc (đầu nổi thêm trong năm 2015) là 2.440 đầu nổi mới.

**2. Mục tiêu và Kết quả thực hiện CSGN 1.2 - Số công trình vệ sinh hộ gia đình xây mới (Do Trung tâm y tế dự phòng tỉnh thực hiện)**

- Mục tiêu: 4.040 nhà tiêu hợp vệ sinh được xây mới.

- Kết quả thực hiện: Số nhà tiêu hợp vệ sinh xây mới đạt 4.886 nhà tiêu hợp vệ sinh (bằng 121% mục tiêu).

**3. Mục tiêu và Kết quả thực hiện CSGN 2.2 - Số người được hưởng lợi từ xã vệ sinh toàn xã (Do Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện)**

- Mục tiêu: Có 33.680 người được hưởng lợi từ xã vệ sinh toàn xã.

- Kết quả thực hiện: Số người được hưởng lợi từ 6 xã đạt vệ sinh toàn xã là 40.460 người (đạt 120% so với mục tiêu).

Số xã đạt vệ sinh toàn xã năm 2015 là 6 xã, gồm: Hà Văn, Thăng Long, Xuân Trường, Thanh Thủy, Hải Châu, Thiệu Tiến (100% số hộ của 6 xã có nhà tiêu, trong đó cả 6 xã có số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt trên 70%, tất cả các trường học và trạm y tế thuộc 6 xã đăng ký vệ sinh toàn xã đều có nước và nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định của Chương trình).

**4. Kết quả thực hiện các Kế hoạch hành động của Chương trình**

Kế hoạch hành động của Chương trình đã được thực hiện đúng theo yêu cầu của Chương trình, nhà tài trợ:

- *Hành động 1:*

Các dữ liệu về các hoạt động của Chương trình đã được các đơn vị báo cáo UBND tỉnh, các cơ quan trung ương (báo cáo tháng/quý/năm); Báo cáo

Chương trình của tỉnh được UBND tỉnh báo cáo cho Ngân hàng, Bộ Nông nghiệp theo quy định; các hồ sơ, báo cáo được lưu trữ tại các đơn vị thực hiện.

*- Hành động 2:*

Trong năm 2015 thực hiện đấu thầu các gói thầu thuộc các Tiểu dự án nước sạch cụ thể như sau:

+ Tiểu dự án nước sạch 9 xã huyện Nga Sơn thực hiện trong năm 2015 là 02 Gói thầu: Gói số 18 - Cung cấp thiết bị đồng hồ (gói thầu dịch vụ); gói số 21 - Phần mềm quản lý hệ thống và quản lý khách hàng (gói thầu tư vấn).

+ Tiểu dự án nước sạch 8 xã huyện Hoàng Hóa: Thực hiện 01 Gói thầu (Tư vấn khảo sát - lập thiết kế BVTC công trình).

Tất cả các Gói thầu thực hiện trong năm 2015 của dự án cấp nước sạch đã được chủ đầu tư thực hiện đấu thầu đúng theo Luật đấu thầu của Chính phủ Việt nam và Hiệp định. Thông tin về đấu thầu được thông báo công khai, minh bạch trên Báo Đấu thầu theo quy định.

- Các gói thầu tư vấn: gồm 02 gói thầu. Trong đó: 2/2 gói thầu là đấu thầu rộng rãi (đạt 100%).

- Các gói thầu xây lắp: Không.

- Các gói thầu dịch vụ gồm 01 gói thầu. Trong đó 01/01 gói thầu là đấu thầu rộng rãi (đạt 100%).

*- Hành động 3:*

Báo cáo tài chính của Chương trình năm 2015 đã được thực hiện đầy đủ theo quy định (báo cáo Quý I, Quý II, Quý III). Hiện nay báo cáo Quý IV đang được các đơn vị chuẩn bị để báo cáo; Công tác kiểm toán nội bộ được UBND tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện tại Văn bản số 1702/UBND-NN ngày 11/03/2014 về việc giao đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ Chương trình PforR. Sở Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định và báo cáo 6 tháng theo yêu cầu.

*- Hành động 4: Đối với công tác đền bù GPMB:*

Năm 2015 thực hiện công tác đền bù GPMB thuộc Dự án cấp nước sạch 9 xã huyện Nga Sơn:

Công tác kiểm kê, đền bù GPMB được Chủ đầu tư phối hợp chặt chẽ với UBND huyện, UBND các xã thực hiện trên nguyên tắc giảm thiểu thiệt hại từ việc thu hồi đất; mức giá đền bù được xác định dựa trên giá thị trường, được cơ quan thẩm định giá độc lập thẩm định trên cơ sở các tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản do Bộ Tài chính ban hành. Quy trình thực hiện như sau:

+ Hội đồng Giải phóng mặt bằng huyện chọn một đơn vị có chức năng thẩm định giá độc lập (thông qua hình thức: Chỉ định thầu) để thẩm định giá đền bù.

+ Đơn vị thẩm định giá được chỉ định lập đề cương Công tác tư vấn thẩm định giá thay thế đối với công tác bồi thường và tái định cư của Dự án.

Công tác giải đền bù GPMB đối với Tiểu dự án cấp nước cho 09 xã huyện Nga Sơn đã được Chủ đầu tư hoàn thành chi trả cho các hộ bị ảnh hưởng vào tháng 04/2015;

Hiện nay đang tiếp tục công tác GPMB của Tiểu dự án cấp nước cho 08 xã huyện Hoằng Hóa. Dự kiến công tác đền bù, GPMB sẽ hoàn thành trước khi khởi công công trình, đảm bảo có mặt bằng sạch cho các nhà thầu thi công các Gói thầu.

- *Hành động 5:* Trên địa bàn các xã tham gia Chương trình không có đồng bào dân tộc thiểu số.

### **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2015.**

#### **1. Kết quả đạt được**

- Các hoạt động năm 2015, đặc biệt là các hoạt động thực hiện CSGN 1.2 mặc dù triển khai trong thời gian ngắn và gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên đến hết năm 2015 tỉnh Thanh Hóa đã cơ bản hoàn thành được các Chỉ số giải ngân năm 2015 của Chương trình, cụ thể: Có 11.898 hộ được đầu nối nước mới; Các trường học, trạm y tế thuộc 6 xã vệ sinh toàn xã đã có công trình nước và nhà tiêu hợp vệ sinh với 40.460 người dân được hưởng lợi từ 6 xã vệ sinh toàn xã.

- Các Kế hoạch hành động của Chương trình đã được các đơn vị thực hiện đúng theo yêu cầu của Chương trình và nhà tài trợ.

- Chương trình đã giúp cải thiện điều kiện vệ sinh cho các hộ gia đình, vệ sinh các cơ sở công cộng (trường học, trạm y tế) của nhiều địa phương trong tỉnh. Qua đó nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân các xã tham gia Chương trình.

#### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Công trình cấp nước là công trình khởi công mới và có quy mô lớn, trong khi thời gian thực hiện không nhiều nên ảnh hưởng đến việc hoàn thành CSGN năm 2015.

- Một số công trình vệ sinh hộ gia đình mặc dù được hỗ trợ xây dựng mới, tuy nhiên các hộ gia đình sử dụng bảo quản chưa tốt dẫn đến việc các công trình mới được xây dựng sau thời gian ngắn đưa vào sử dụng đã không còn hợp vệ sinh, mặc dù công tác truyền thông đã được chính quyền địa phương, các tổ chức thực hiện thường xuyên.

- Một số công trình cấp nước và vệ sinh trường học, trạm y tế nhanh bị hư hỏng, đặc biệt là các công trình cấp nước và vệ sinh cho trường học, do việc sử dụng và quản lý của các trường học chưa tốt.

- Một số địa phương đang thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, các công trình công cộng chưa hoàn thành nên có sự thay đổi về tiêu chí đánh giá.

### **IV. NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC**

#### **1. Nguyên nhân**

- Nguồn vốn đầu tư phát triển của năm 2015 chưa đáp ứng được yêu cầu tiến độ để giải ngân khối lượng hoàn thành dự án; nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện hoạt động vệ sinh và các hoạt động truyền thông phần bổ chậm (tháng 10/2015 mới có vốn về tài khoản nguồn) nên các đơn vị được giao chưa chủ động được trong việc triển khai, đặc biệt là hỗ trợ các hộ dân xây dựng mới các công trình vệ sinh hộ gia đình.

- Nhận thức của một số bộ phận cán bộ chính quyền, nhân dân về nước sạch và vệ sinh môi trường còn hạn chế, chưa tích cực trong việc thực hiện nước sạch và VSMT tại địa phương.

- Đời sống của nhân dân nông thôn còn khó khăn, việc đóng góp vốn đối ứng còn chậm; công tác xây dựng mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh triển khai còn gặp nhiều khó khăn.

## 2. Giải pháp khắc phục

- Chỉ đạo UBND các huyện, xã thuộc dự án cấp nước đẩy mạnh công tác thu tiền đóng góp của nhân dân hưởng lợi theo quy định của Chương trình; tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân đầu tư sử dụng nước sạch từ dự án, tăng hiệu quả của dự án.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành Nông nghiệp và PTNT, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng CSXH trong việc thực hiện các Chỉ số giải ngân đảm bảo hoàn thành các Chỉ số giải ngân của Chương trình nước sạch và VSNT dựa trên kết quả đầu ra năm 2015.

- Tăng cường đưa thông tin, giáo dục, truyền thông thường xuyên đến được với người dân thuộc các xã tham gia Chương trình thông qua các lớp tập huấn truyền thông; phổ biến các tài liệu chuyên môn và tài liệu truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường.

- Chuẩn bị các điều kiện về tổ chức bộ máy và mô hình quản lý để đưa công trình cấp nước sạch cho 9 xã Nga Sơn vào vận hành bền vững, cung cấp dịch vụ nước sạch cho nhân dân.

## V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo thực hiện Chương trình theo kế hoạch và chỉ tiêu đã đề ra trong năm 2016, đề nghị các Bộ, Ngành Trung ương bố trí đủ nhu cầu vốn và thông báo sớm ngay từ đầu năm cho các địa phương để chủ động triển khai các hoạt động của dự án./.

### Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Ngân hàng Thế giới;
- Tổng cục Thủy lợi - Bộ NN&PTNT;
- T. trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, YT, GD&ĐT;
- Trung tâm Nước sạch và VSMTNT tỉnh;
- Lưu: YT, Pg NN.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền



**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHỈ SỐ GIẢI NGÂN CỦA TỈNH NĂM 2015**  
(Kèm theo Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Tên tỉnh: Thanh Hóa

**I. TÓM TẮT TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN**

Tiến độ thực hiện Chỉ số Giải ngân trong Năm Báo cáo	Kết quả giải ngân	
	Mục tiêu	Kết quả đạt được
DLI 1.1 Số đầu nối mới hoạt động	12.120	11.898
DLI 1.2 Số nhà tiêu hộ gia đình HYS mới	4.040	4.886
DLI 2.1 Số người được hưởng lợi từ công trình cấp nước bền vững	-	-
DLI 2.2 Số người hưởng lợi từ "Vệ sinh toàn xã"	33.680	40.460
DLI 3.1 Số kế hoạch năm của tỉnh được phê duyệt	Có	Có
DLI 3.2 Số báo cáo chương trình được công bố	Có	Có

II. DLI 1.1: SỔ ĐĂNG NỔI MỜI HOẠT ĐỘNG

Huyện		Tên hệ thống nước	Số đầu nổi mời hoạt động
Hậu Lộc	Hung Lộc, Minh Lộc, Phú Lộc, Đa Lộc, Hải Lộc, Hòa Lộc, Hoa Lộc	Công trình cấp nước sạch 7 xã huyện Hậu Lộc	2.440
Nga Sơn	Nga Yên, Nga Liên, Nga Tiên, Nga Tân, Nga Thanh, Nga Mỹ, Nga Hưng, Nga Văn và Thị trấn Nga Sơn	Công trình cấp nước sạch 9 xã huyện Nga Sơn	9.458
		<b>Tổng cộng</b>	<b>11.898</b>




### III. DLI 1.2: SỐ NHÀ TIÊU BỘ GIA ĐÌNH HỢP VỆ SINH MỚI



Huyện	Số nhà tiêu bộ gia đình HVS mới	
Tĩnh Gia	Hải Châu	205
Tĩnh Gia	Thanh Thủy	272
Tĩnh Gia	Hải An	127
Quảng Xương	Quảng Long	121
Quảng Xương	Quảng Văn	22
Quảng Xương	Quảng Ngọc	156
Nông Công	Thắng Long	516
Nông Công	Tê Lợi	204
Nông Công	Thắng Bình	122
Như Thanh	Hải Long	206
Như Thanh	Cán Khê	117
Như Thanh	Mậu Lãm	38
Hà Trung	Hà Bình	50
Hà Trung	Hà Đông	74
Hà Trung	Hà Long	187
Hà Trung	Hà Văn	180
Triệu Sơn	Hợp Tiến	145
Triệu Sơn	Minh Sơn	143
Thiệu Hóa	Thiệu Tiến	190
Thiệu Hóa	Thiệu Hợp	75
Thiệu Hóa	Thiệu Lý	31
Yên Định	Yên Thái	102
Yên Định	Định Công	73
Yên Định	Định Thành	57
Vĩnh Lộc	Vĩnh Minh	78
Vĩnh Lộc	Vĩnh Long	167
Vĩnh Lộc	Vĩnh Tiến	9
Thọ Xuân	Xuân Trường	312
Thọ Xuân	Xuân Phong	92
Thọ Xuân	Nam Giang	147
Thọ Xuân	Thọ Diên	218
Thường Xuân	Luận Thành	90
Thường Xuân	Xuân Lộc	90
Lạc Chánh	Giáo An	72
Lạc Chánh	Tri Nặng	124
Đông Sơn	Đông Thành	74
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.886</b>

IV. DLI 2.2. SỐ NGƯỜI HƯỞNG LỢI TỪ “VỆ SINH TOÀN XÃ”




Huyện	Xã	% Hộ gia đình có Nhà tiêu Hợp vệ sinh	% Hộ gia đình có nhà tiêu	% Trường học có nước sạch và nhà tiêu HVS	% Trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu HVS	Số người hưởng lợi từ “Vệ sinh toàn xã” (Dân số xã)
Tỉnh Gia	Hải Châu	71,9%	100%	100%	100%	8,868
Tỉnh Gia	Thanh Thủy	71,0%	100%	100%	100%	5,705
Nông Công	Thăng Long	74,1%	100%	100%	100%	11,970
Hà Trung	Hà Văn	73,9%	100%	100%	100%	3,639
Thị trấn Hòa	Thị trấn Tiến	73,9%	100%	100%	100%	5,512
Thị trấn Xuân	Xuân Trường	77,7%	100%	100%	100%	4,766
<b>Tổng cộng</b>						<b>40.460</b>

V. DLI 3.1 VÀ 3.2: KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO CHƯƠNG TRÌNH  
NĂM 2015 CỦA TỈNH



Tỉnh	Kế hoạch Năm của Tỉnh đã được phê duyệt chưa?	Ngày phê duyệt	Báo cáo Chương trình của Tỉnh đã hoàn thành theo Mẫu đã Thống nhất và được cung cấp trên cổng thông tin điện tử của Tỉnh và trang web của NCERWASS?	Ngày Công bố
Thanh Hóa	Kế hoạch 6451/UBND-NN của UBND tỉnh: Thanh Hóa	23/7/2014		23/7/2014


**MẪU BÁO CÁO HAI**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2015**  
**TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo báo cáo số 18/BC-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

**I. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ GIẢI NGÂN**

	DLI		Giải ngân (USD)	
	Mục tiêu	Kết quả đạt được	Mục tiêu	Kết quả đạt được
DLI 1.1 Số đầu rời mới hoạt động	12.120	11.898		
DLI 1.2 Số nhà tiêu bộ gia đình HVS mới	4.040	4.896		
DLI 2.1 Số người được hưởng lợi từ công trình cấp nước bền vững	-	-		
DLI 2.2 Số người hưởng lợi từ "Vệ sinh toàn xã"	33.680	40.460		
DLI 3.1 Số kế hoạch năm của tỉnh được phê duyệt	Có	Có		
DLI 3.2 Số báo cáo chương trình được công bố	Có	Có		

**BẢNG I-2: TIẾN ĐỘ TỔNG HỢP VỀ THỰC HIỆN HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TẬP TRUNG**

Hệ thống số	Tên công trình	Địa điểm <sup>a</sup>	Tình trạng <sup>b</sup>	Số đầu nối		Chất lượng nước		Nước thất thoát (%)	Đoanh thu (triệu/tháng)	Chi phí V&RD (triệu/tháng)	Mô hình Quản lý <sup>c</sup>
				Theo kế hoạch	Thực tế	Tỷ lệ các chỉ số <sup>d</sup>	Áp dụng <sup>e</sup>				
<b>Tỉnh Thanh Hóa</b>											
	Công trình cấp nước sạch 7 xã huyện Hậu Lộc	Huyện Hậu Lộc	Hoạt động	13.000	12.665	Đạt	Đạt				Trung tâm nước sạch và VSMTNT tỉnh
	Công trình cấp nước sạch 9 xã huyện Nga Sơn	Huyện Nga Sơn	Đưa vào hoạt động	10.735		Đạt	Đạt				Trung tâm nước sạch và VSMTNT tỉnh



BẢNG 1.3: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NIỆM THƯ NSV HGD MỚI CỦA TỈNH (Cm số DL1.1.2)

Huyện		Số nhà tiêu bộ gia đình xây mới HVS
Tỉnh Gia	Sơn Châu	205
Tỉnh Gia	Thanh Thủy	272
Tỉnh Gia	Hải An	127
Quảng Xương	Quảng Long	121
Quảng Xương	Quảng Văn	22
Quảng Xương	Quảng Ngọc	156
Nông Công	Thăng Long	516
Nông Công	Tê Lôi	204
Nông Công	Thăng Bình	122
Nhu Thành	Hải Long	206
Nhu Thành	Cán Khê	117
Nhu Thành	Mậu Lâm	38
Hà Trung	Hà Bình	50
Hà Trung	Hà Đông	74
Hà Trung	Hà Long	187
Hà Trung	Hà Văn	180
Triệu Sơn	Hợp Tiến	145
Triệu Sơn	Minh Sơn	143
Thiệu Hóa	Thiệu Tiến	190
Thiệu Hóa	Thiệu Hợp	75
Thiệu Hóa	Thiệu Lý	31

Yên Định	Yên Thái	102
Yên Định	Định Công	73
Yên Định	Định Thành	37
Vĩnh Lộc	Vĩnh Minh	78
Vĩnh Lộc	Vĩnh Long	167
Vĩnh Lộc	Vĩnh Tiến	9
Thọ Xuân	Xuân Trường	312
Thọ Xuân	Xuân Phong	92
Thọ Xuân	Nam Giang	147
Thọ Xuân	Thọ Diên	218
Thường Xuân	Luận Thành	90
Thường Xuân	Xuân Lộc	90
Lạng Chánh	Giao An	72
Lạng Chánh	Trí Nang	124
Đông Sơn	Đông Thành	74
Tổng cộng Năm 2015		4.886
Các xã không đạt năm 2014, năm 2015 đã đạt VSTX		Không



**BẢNG I-4: TIẾN ĐỘ HỢP NHẤT VỀ TRÚC/CHỖ Ở VỀ SINH TOÀN XÃ (Chỉ số 2.2)**

Huyện	Xã	% Hộ có nhà tiêu HVS	% Hộ gia đình có một loại nhà tiêu nhất định	% Trường học có nước sạch và nhà tiêu HVS	% Trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu HVS	Đã số (số người hưởng lợi từ vệ sinh toàn xã)
<b>I. Các xã đạt VSTX năm 2015</b>						40.460
Tỉnh Gia	Hải Châu	71,9%	100%	100%	100%	8.868
Tỉnh Gia	Thanh Thủy	71,0%	100%	100%	100%	5.765
Nông Công	Thăng Long	74,1%	100%	100%	100%	11.970
Hà Trung	Hà Văn	73,9%	100%	100%	100%	3.639
Thiệu Hóa	Thiệu Tiến	73,9%	100%	100%	100%	5.512
Thọ Xuân	Xuân Trường	77,7%	100%	100%	100%	4.766
<b>II. Các xã chưa đạt "Vệ sinh toàn xã" năm 2015</b>						
<b>Tổng cộng của tỉnh</b>	<b>Không có</b>					

**BẢNG I-5: TIẾN ĐỘ TỔNG HỢP VỀ GIỚI**

	Tổng số đạt được	Số hộ có nam là chủ hộ	Số hộ có nữ là chủ hộ
CSGN 1.1 Số đầu nổi mới hoạt động	11.898		
CSGN 1.2 Số nhà tiêu hộ gia đình HVS mới	4.886	3.753	1.133
CSGN 2.2 Số người hưởng lợi từ "Vệ sinh toàn xã"	40.460	8.341	2.095



## II. TUÂN THỦ VỚI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH TRONG NĂM BÁO CÁO

BẢNG II-2: TUÂN THỦ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	
<b>Hành động 1</b>	
Cơ sở dữ liệu tồn tại và được duy trì	Cơ sở dữ liệu của Chương trình được công bố trên trang web của UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở NN&PTNT; tại Trung tâm nước sinh hoạt và VSMNT. Bắt đầu từ năm 2013. Đến hết năm 2015 chưa có đơn thư khiếu nại, tố cáo về tham nhũng, đầu thầu.
Báo cáo Sáo tháng gửi cho Ngân hàng	Có
<b>Hành động 2</b>	
(a) Tất cả các đề xuất đã được xem xét	Có
(b) % số Hợp đồng được Đầu thầu: Cảnh tranh	Năm 2015 thực hiện tổng số 3 gói thầu. Trong đó 3 gói thầu cạnh tranh, chiếm tỷ lệ 100%. Trong đó: = Số gói thầu xây lắp: 0 gói = Số gói thầu tư vấn: 2 gói (số gói đầu thầu cạnh tranh: 2 gói, chiếm 100%) = Số gói thầu dịch vụ: 1 gói (đầu thầu cạnh tranh)
(c) DNHN Phụ thuộc bị loại	Không
(d) Không có công ty bị cấm	Không
<b>Hành động 3</b>	
Báo cáo Tài chính Chương trình được chuẩn bị	Đã thực hiện và báo cáo theo quy định.
Chất lượng Kiểm toán Nội bộ Chương trình Hoạt động	- Nhiệm vụ kiểm toán nội bộ được thực hiện theo Văn bản số 1702A/UBND-NN ngày 11/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ Chương trình PforR và Quyết định 216/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/3/2014 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT quyết định về việc giao nhiệm vụ kiểm toán nội bộ Chương trình PforR. - Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT được giao nhiệm vụ kiểm toán nội bộ của Chương trình.
<b>Hành động 4</b>	
Tránh/Giảm thiểu Tác động Bất lợi của Thu hồi đất	01 công trình bị thu hồi đất và sử dụng đất công của UBND xã (Công trình cấp nước sạch 9 xã huyện Nga Sơn).



<p>Người dân được bồi thường vì mất đất/tài sản</p>	<p>Công trình bị thu hồi đất và phải thực hiện công tác đền bù GPMB: Công trình cấp nước sạch 9 xã huyện Nga Sơn. Tổng số tiền phải đền bù GPMB là 2.742.717.200 đồng; tiền đền bù cho người dân cho mất tài sản là 1.528.945.200 đồng/57 hộ dân bị ảnh hưởng.</p>
<p>Cơ chế định giá được sử dụng cho đất/tài sản/thu nhập</p>	<p>Công tác kiểm kê, đền bù GPMB được thực hiện trên nguyên tắc giảm thiểu thiệt hại sự việc thu hồi đất.</p> <p>Mức giá đền bù xác định dựa trên giá thị trường, được cơ quan thẩm định giá độc lập thẩm định trên cơ sở các tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản do Bộ Tài chính ban hành. Quy trình thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hội đồng Giải phóng mặt bằng huyện chọn một đơn vị có chức năng thẩm định giá độc lập (thông qua hình thức: Chỉ định thầu) để thẩm định giá đền bù.</li> <li>+ Đơn vị thẩm định giá được chỉ định lập đề cương Công tác tư vấn thẩm định giá thay thế đối với công tác bồi thường và tái định cư của Dự án.</li> <li>+ Sau khi có kết quả thẩm định giá độc lập sẽ trình UBND tỉnh ban hành đơn giá thay thế.</li> <li>- QĐ số 41/06/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 về việc quy định đơn giá thay thế để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án cấp nước sạch cho 9 xã huyện Nga Sơn.</li> <li>- Bộ chứng thư thẩm định giá, các QĐ bồi thường, đền bù, giải phóng mặt bằng kèm theo đã được gửi cho Văn phòng Chương trình.</li> </ul>
<p><b>Hành động 5</b></p>	
<p>Hướng dẫn làm việc với người dân tộc thiểu số được miễn thuế</p>	<p>- Khu vực thực hiện dự án không có người dân tộc thiểu số</p>